

Số: 211 /KH-BVSTBPN

Bến Tre, ngày 24 tháng 01 năm 2014

KẾ HOẠCH
Hoạt động công tác bình đẳng giới
và vì sự tiến bộ phụ nữ năm 2014

- Căn cứ vào Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 của Thủ tướng Chính phủ;

- Căn cứ vào kế hoạch hành động về bình đẳng giới của ngành giáo dục giai đoạn 2012 – 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 970/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt kế hoạch hành động về bình đẳng giới của ngành giáo dục giai đoạn 2012 - 2015;

- Căn cứ kế hoạch số 3805/KH-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2015;

- Căn cứ vào Chương trình hành động của Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành Giáo dục và Đào tạo đến năm 2015;

- Căn cứ vào một số kết quả đã đạt được trong năm 2013 và tình hình thực tế của ngành;

Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ ngành GD&ĐT tỉnh Bến Tre xây dựng kế hoạch hoạt động công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ ngành GD&ĐT năm 2014 như sau:

I. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh việc thực hiện 7 mục tiêu chương trình hành động của Ban Vì sự tiến bộ Phụ nữ ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn năm 2012 – 2015; tạo bước chuyển biến về nhận thức, phân đấu thu hẹp khoảng cách giới, nâng vị thế của phụ nữ trong các cơ sở giáo dục, tạo đà cho việc thực hiện thành công các mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới;

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp nhằm thực hiện các quyền lợi hợp pháp của nữ nhà giáo, nữ học sinh, sinh viên;

II. Các hoạt động và mục tiêu cụ thể:

1. Công tác tổ chức:

Kiến toàn Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ (VSTBPN) các cấp, cùng cố hoạt động của Ban VSTBPN ở các cơ sở, đơn vị trực thuộc thông qua việc theo dõi, nhắc nhở, thực hiện kế hoạch giám sát của Ban VSTBPN ngành.

Triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động năm, đảm bảo thực hiện tốt quy chế hoạt động của Ban VSTBPN từ ngành đến tận cơ sở.

2. Nội dung hoạt động thực hiện công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ:

2.1. Mục tiêu 1: Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, trong đó ưu tiên quy hoạch cán bộ nữ, gắn quy hoạch với đào tạo và bồi dưỡng cán bộ nữ;

- Phân đấu trên 85% cơ sở giáo dục có nữ tham gia lãnh đạo, quản lý; 40% phòng ban Sở, phòng GD&ĐT có cán bộ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý;

- Phân đầu tỉ lệ nữ đảng viên trong ngành đạt 62%, tỉ lệ nữ cán bộ quản lý trường học đạt 55%;

- Phân đầu cán bộ quản lý nữ trong ngành được bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước, nghiệp vụ quản lý giáo dục đạt ít nhất 50% (so với nam), tạo điều kiện để chị em học ngoại ngữ, tin học;

- Tạo điều kiện cho phụ nữ phân đầu; bố trí cán bộ nữ đúng vị trí, phù hợp với năng lực, phát huy đầy đủ năng lực của phụ nữ.

2.2. Mục tiêu 2: Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động

- Tiếp tục thực hiện các văn bản chỉ đạo có hiệu quả nhằm thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ, nhất là việc thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, công viên chức, trước hết là tạo điều kiện thuận lợi về ăn, ở, sinh hoạt cho giáo viên nữ công tác ở xa;

- Quan tâm tạo điều kiện thuận lợi về học tập, ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh, đặc biệt là học sinh nữ ở địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng gặp nhiều khó khăn;

- Tạo điều kiện giúp đỡ cán bộ, công viên chức nữ có hoàn cảnh khó khăn vay vốn để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống; đẩy mạnh phong trào “tương thân tương ái” trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của ngành.

2.3. Mục tiêu 3: Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Huy động 8,5% số trẻ trong độ tuổi vào nhà trẻ và nhóm trẻ gia đình; trẻ trong độ tuổi mẫu giáo vào nhà trường 75%;

- Quan tâm giúp đỡ kịp thời học sinh nữ có nguy cơ bỏ học và bồi dưỡng, phụ đạo học sinh nữ học yếu kém để giảm tỉ lệ bỏ học trẻ em gái xuống dưới 0,01% ở bậc Tiểu học; dưới 0,65% ở cấp THCS; dưới 4,3% cấp THPT; giảm tỉ lệ lưu ban trong học sinh nữ xuống dưới 0,33% ở các bậc học, giữ vững thành quả phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi mức 1, đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi mức 2 và củng cố phổ cập giáo dục THCS, thực hiện phổ cập giáo dục Trung học ở những nơi có điều kiện;

- Giáo viên nữ đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo các cấp trên 99,80%. Tỉ lệ nữ học cao học, thạc sĩ đạt 57% (so với nam); tỉ lệ nữ nghiên cứu sinh, tiến sĩ 20% (so với nam).

2.4. Mục tiêu 4: Bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế

- Đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm trong các trường bán trú; 100% cơ sở giáo dục MN, TH bán trú thực hiện an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Vận động nữ giáo viên thực hiện tốt kế hoạch hóa gia đình, không sinh con thứ 3. Góp phần đảm bảo tỉ số giới tính trẻ khi sinh không vượt 113 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái;

- Thực hiện việc khám sức khỏe định kỳ đối với giáo viên nữ và nữ học sinh. Đảm bảo trên 95% nữ CBGVNV mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho thai phụ;

- Phân đầu 100% trường học có nhân viên y tế.

2.5. Mục tiêu 5: Bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể thao

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong đội ngũ CB,CC,VC;

- Đảm bảo bình đẳng giới việc thụ hưởng trong lĩnh vực văn hóa và thông tin;

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao cho phụ nữ nhân dịp kỉ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam; tích cực hưởng ứng xây dựng gia đình văn hóa, gia đình thể thao...

2.6. Mục tiêu 6: Bình đẳng trong lĩnh vực gia đình

- Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam, nam giới dành nhiều thời gian tham gia công việc gia đình;
- Phân đấu không để tình trạng bạo lực gia đình xảy ra trong đời sống CB,CC,VC.

2.7. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới

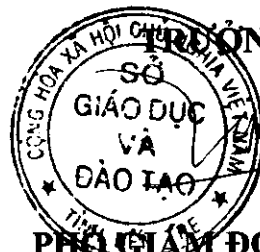
- Củng cố, kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ của ngành, các Phòng GD&ĐT và các đơn vị trường học, trung tâm Giáo dục thường xuyên; tuyên truyền giáo dục phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; nâng cao nhận thức về bình đẳng giới;
- Các Ban vì sự tiến bộ phụ nữ tiến hành đánh giá hoạt động năm 2013 và xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2014, tiến hành rà soát bổ sung, điều chỉnh Quy chế hoạt động, phân công cụ thể các thành viên trong ban phù hợp với tình hình thực tế.
- Tổ chức tập huấn, tham quan, trao đổi kinh nghiệm về công tác giới.

III. Tổ chức thực hiện:

- Tham mưu với Đảng ủy, Ban Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và Ban VSTBPN tỉnh để tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện;
- Phối hợp với Công đoàn giáo dục tỉnh, các cơ quan chức năng để tổ chức các hoạt động để tuyên truyền, tập huấn, vận động các cơ sở giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đơn vị, cá nhân trong các hoạt động bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ;
- Tiếp tục tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác bình đẳng giới và chống bạo lực gia đình;
- Vận động toàn ngành hưởng ứng các phong trào thi đua, phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trong trường học;
- Thực hiện đầy đủ các chính sách cho công viên chức và cán bộ quản lý, đặc biệt là đối với nữ cán bộ, công viên chức; khuyến khích các trường tổ chức cho cán bộ giáo viên nữ tham quan du lịch, học tập kinh nghiệm, được chăm sóc sức khỏe định kỳ;
- Thực hiện tốt các chương trình phối hợp với các tổ chức chính trị-xã hội, triển khai nội dung giáo dục cho phụ nữ và trẻ em gái;
- Xây dựng kế hoạch giám sát, tiến hành giám sát các phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc và phối hợp với các ban ngành trong tổ chức thực hiện các mục tiêu đề ra./.

Nơi nhận:

- Ban VSTBPN tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- CĐGD tỉnh;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- TV Ban VSTBPN;
- Ban VSTBPN Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, Ban VSTBPN.



PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT
Nguyễn Thị Bé Mười